|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC 2**

**DANH MỤC, NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN TTHC   
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TỈNH TÂY NINH**

**(Cấp huyện: 12 thủ tục)**

**PHẦN I – DANH MỤC TTHC**

| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên TTHC** | **Mức dịch vụ công** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Lĩnh vực** | **Lưu thông hàng hóa trong nước** |  |
| 1 | 2.000181.000.00.00.H53 | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Một phần |
| 2 | 2.000150.000.00.00.H53 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Một phần |
| 3 | 2.000162.000.00.00.H53 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Toàn trình |
| 4 | 2.000620.000.00.00.H53 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | Một phần |
| 5 | 2.001240.000.00.00.H53 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu | Một phần |
| 6 | 2.000615.000.00.00.H53 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu | Toàn trình |
| 7 | 2.000633.000.00.00.H53 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Một phần |
| 8 | 2.001619.000.00.00.H53 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Toàn trình |
| 9 | 1.001279.000.00.00.H53 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Một phần |
| 10 | 2.001283.000.00.00.H53 | [Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai](file:///D:\1.%20VAN%20PHONG%20SO\3.%20CONG%20TAC%20CCHC\2023\CONG%20BO%20TTHC\CHUAN%20HOA%20TTHC\Các%20phòng%20gửi\Lần%201\KTATMT\2.%20TTHC%20Phòng%20KTATMT.docx#Qt55) | Một phần |
| 11 | 2.001270.000.00.00.H53 | [Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai](file:///D:\1.%20VAN%20PHONG%20SO\3.%20CONG%20TAC%20CCHC\2023\CONG%20BO%20TTHC\CHUAN%20HOA%20TTHC\Các%20phòng%20gửi\Lần%201\KTATMT\2.%20TTHC%20Phòng%20KTATMT.docx#Qt56) | Toàn trình |
| 12 | 2.001261.000.00.00.H53 | [Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai](file:///D:\1.%20VAN%20PHONG%20SO\3.%20CONG%20TAC%20CCHC\2023\CONG%20BO%20TTHC\CHUAN%20HOA%20TTHC\Các%20phòng%20gửi\Lần%201\KTATMT\2.%20TTHC%20Phòng%20KTATMT.docx#Qt57) | Toàn trình |

**PHẦN II: NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN TTHC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.000181.000.00.00.H53 | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  (DVC trực tuyến một phần) | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện/thành phố (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại **1900561563** để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  08 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức/ cá nhân nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và hồ sơ sẽ chuyển cho cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã,  thành phố)** | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | Công chức thụ lý hồ sơ | | 07 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (07 ngày) | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | | Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương. | | Bản chính: 01  Bản sao: 0 | |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế | |  | | Bản chính: 0  Bản sao: 01 | |
| Các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh | |  | | Bản chính: 0  Bản sao: 01 | |
|  | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | Tổ chức | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do. | | | |
| **Phí/lệ phí** | | \* Mức thu phí thẩm định:  - Tại thành phố, thị xã: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  - Tại huyện: 200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tổ chức/ cá nhân có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của cơ quan thụ lý hồ sơ của cá nhân, tổ chức.  *(Lưu ý: Ghi rõ Nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ TTHC”, Mã biên nhận).* | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP  ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP  ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.  - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.  - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | - Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;  - Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;  - Có văn bản giới thiệu của thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

**PHỤ LỤC 23**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế thị xã, thành phố/ Kinh tế và Hạ tầng huyện(1) ......................(2)

1. Tên thương nhân:.......................................................................................................

2. Địa chỉ trụ sở chính: …………................................................................................;

3. Điện thoại:........................................................... Fax:............................................;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)

- Tên: ......................................................................................................................;

- Địa chỉ: ................................................................................................................;

- Điện thoại:.......................................................... Fax:..........................................;

Đề nghị Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ phòng Kinh tế thị xã, thành phố (1)..................................................(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

...............................................................................................................................(3)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

................................................................................................................................(4)

..............................................................................(ghi rõ tên thương nhân).......xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(họ và tên, ký tên, đóng dấu)* |

*Chú thích:*

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục** | 2.000150.000.00.00.H53 | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  (DVC trực tuyến một phần) | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện/thành phố (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại **1900561563** để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  08 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức/ cá nhân nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và hồ sơ sẽ chuyển cho cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã,  thành phố)** | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | Công chức thụ lý hồ sơ | | 07 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (07 ngày) | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  | |  | |
| **Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy** | | | | | |
| Tên giấy tờ | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | | Phụ lục 52 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương. | | Bản chính: 01  Bản sao: 0 | |
| Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có). | |  | |  | |
| **Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực** | | | | | |
| Tên giấy tờ | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | | Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương. | | Bản chính: 01  Bản sao: 0 | |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế | |  | | Bản chính: 0  Bản sao: 01 | |
| Các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh | |  | | Bản chính: 0  Bản sao: 01 | |
|  | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | Tổ chức | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (cấp lại) hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do. | | | |
| **Phí/lệ phí** | | \* Mức thu phí thẩm định:  - Tại thành phố, thị xã: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  - Tại huyện: 200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tổ chức/ cá nhân có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của cơ quan thụ lý hồ sơ của cá nhân, tổ chức.  *(Lưu ý: Ghi rõ Nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ TTHC”, Mã biên nhận).* | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP  ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP  ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.  - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.  - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | - Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;  - Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;  - Có văn bản giới thiệu của thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

**PHỤ LỤC 23**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ Tầng (1) ......................(2)

1. Tên thương nhân:.......................................................................................................

2. Địa chỉ trụ sở chính: …………................................................................................;

3. Điện thoại:........................................................... Fax:............................................;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)

- Tên: ......................................................................................................................;

- Địa chỉ: ................................................................................................................;

- Điện thoại:.......................................................... Fax:..........................................;

Đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ phòng Kinh tế thị xã, thành phố (1)..................................................(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

...............................................................................................................................(3)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

................................................................................................................................(4)

..............................................................................(ghi rõ tên thương nhân).......xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(họ và tên, ký tên, đóng dấu)* |

*Chú thích:*

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

**PHỤ LỤC 52**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /... | *............., ngày...... tháng....... năm 20.........* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: Phòng Kinh tế và Hạ tầng/ Phòng Kinh tế………………… (1)

1. Tên thương nhân: ...................................................................................................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ..............................................................................................;

3. Điện thoại:.......................................... Fax:...........................................................;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số ........... do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày......................... tháng.........năm.......,đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày .......... tháng......... năm........;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:

- Tên: .......................................................................................................................;

- Địa chỉ: .................................................................................................................;

- Điện thoại:.............................................. Fax:.....................................................;

6. Đã được Phòng kinh tế Hạ tầng/phòng kinh tế thị xã, thành phố (1)................ cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho...............

7. Đã được Phòng kinh tế Hạ tầng/phòng kinh tế thị xã, thành phố (1).................cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng………….....năm……….......cho...................(nếu có).

8.........................................................................(*ghi rõ tên thương nhân*)...kính đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ Tầng/ Phòng Kinh tế (1).......

xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do .... .........(2)...........

………………………………………....(*ghi rõ tên thương nhân*)......... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

 (2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.000162.000.00.00.H53 | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ** (DVC trực tuyến toàn trình) | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện/thành phố (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại **1900561563** để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  03 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức/ cá nhân nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và hồ sơ sẽ chuyển cho cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã,  thành phố)** | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | Công chức thụ lý hồ sơ | | 02 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (02 ngày) | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Văn bản đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung. | | Phụ lục 46 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương. | | Bản chính: 01  Bản sao: 0 | |
| Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp | |  | | Bản chính: 0  Bản sao: 01 | |
| Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. | |  | | Bản chính: 0  Bản sao: 01 | |
|  | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | Tổ chức | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do. | | | |
| **Phí/lệ phí** | | Không có | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP  ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP  ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.  - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.  - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

**PHỤ LỤC 46**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     /... | *............., ngày....... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP   
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế Hạ tầng/Phòng Kinh tế………………………………...(1)

1. Tên thương nhân : .................................................................................................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ..............................................................................................;

3. Điện thoại:......................................... Fax:.............................................................;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ....................tháng............. năm..............;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ........................................................................................................................;

- Địa chỉ: ...................................................................................................................;

- Điện thoại:............................................. Fax:.........................................................;

6. Đã được Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố………………………………………..(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm......

7. Đã được Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố……....(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.......) số ....... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có).

...............................................................(2)..................................................................

………………………………………………………...*(ghi rõ tên thương nhân)...(3)* kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):*

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:................................................................................................................

Thông tin mới:.............................................................................................................

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

...................................................................................................................................(4)

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

...................................................................................................................................(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.................................................................................................................

Thông tin mới:...........................................................................................................(5)

b) Đề nghị bổ sung:

...................................................................................................................................(6)

...........................................................................................................(*ghi rõ tên thương nhân*)........................................... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

Chú thích:

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.000620.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU**  (DVC trực tuyến một phần) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  07 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | | Công chức thụ lý hồ sơ | | 06 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (06 ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu | | | Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | | Bản chính: 01 | |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ. | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu. | | |  | | Bản sao: 01 | |
| … | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | \* Đối với tổ chức, doanh nghiệp:  - Mức thu phí thẩm định:  + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Tại huyện: 600.000đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Đối với hộ kinh doanh:  - Mức thu phí thẩm định:  + Tại thành phố, thị xã: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Tại huyện: 200.000đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của cơ quan thụ lý hồ sơ của cá nhân, tổ chức.  *(Lưu ý: Ghi rõ Nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ TTHC”, Mã biên nhận).* | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.​ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | - Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.  - Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.  - Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.  - Rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.  - Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………….(1)……………..

Kính gửi: ………………..(2)………………………………………….

Tên thương nhân: ..............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ……………………....Điện thoại: ………………. Fax: ..................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………………………… Điện thoại:.........................

Fax: ...................................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ………. do…………..……… cấp ngày…….. tháng ……. năm …………

Đề nghị......(2)..... xem xét cấp Giấy phép……..(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

………….(5).............................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ..........................

…….(6) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.001240.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU**  (DVC trực tuyến một phần) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  05 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | | Công chức thụ lý hồ sơ | | 04 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (04 ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| 1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: | | | | | | |
| Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu | | | Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | | Bản chính: 01 | |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ. | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu. | | |  | | Bản sao: 01 | |
| 2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: | | | | |  | |
| Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu | | | Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | | Bản chính: 01 | |
| Giấy phép bán lẻ rượu đã cấp (nếu có). | | |  | | Bản chính hoặc Bản sao: 01 | |
|  | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | 1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:  1.1 Đối với tổ chức, doanh nghiệp:  - Mức thu phí thẩm định:  + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Tại huyện: 600.000đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.  1.2 Đối với hộ kinh doanh:  - Mức thu phí thẩm định:  + Tại thành phố, thị xã: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Tại huyện: 200.000đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của cơ quan thụ lý hồ sơ của cá nhân, tổ chức.  *(Lưu ý: Ghi rõ Nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ TTHC”, Mã biên nhận).*  2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: không thu phí | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*.*- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.​ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | 1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.  2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **TÊN THƯƠNG NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* | |  |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ   
Cấp lại giấy phép ……(1)…….  
*(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi:………….(2)……………………………………………..

Tên thương nhân: .........................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………… Điện thoại: ……………… Fax:...............

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………………..Điện thoại: …..………… Fax: .........

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số…………… do .............cấp ngày ………….. tháng………năm ……;

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm …..

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày……tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2).... xem xét cấp lại Giấy phép……...(1)……, với lý do cụ thể như sau:……..(4)

…….(3)….. xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.000615.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU**  (DVC trực tuyến toàn trình) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  05 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | | Công chức thụ lý hồ sơ | | 04 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (04 ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu | | | Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | | Bản chính: 01 | |
| Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung | | |  | | Bản chính: 01 | |
|  | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | Không có | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.​ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | Trường hợp có sửa đổi, bổ sung nội dung của Giấy phép bán lẻ rượu. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **TÊN THƯƠNG NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* | |  |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1).**..

Kính gửi: ............... (2) .................

Tên thương nhân: .........................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: .................................Điện thoại: ............ Fax:.............................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.............. ......................................................................

Điện thoại: ...................................................... Fax: ....................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ....... ..., do ................... cấp ngày ..... tháng......... năm ............;

Giấy phép.......... (1) ............ đã được cấp số... do ...... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép .............. (1) ............. đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số .... do ....... cấp ngày...... tháng ...... năm ............

................ (3) .......... đề nghị ............. (2) ...........xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép........... (1) .........., với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ: ................................................................................................................

Thông tin mới: ..................................................... (4) ..................................................

2. Bổ sung: ........................................................... (4) ...................................................

............ (3) ........ xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**Chú thích:**

(1) : Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2) : Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3) : Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4) : Nội dung sửa đổi, bổ sung.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.000633.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẰM MỤC ĐÍCH KINH DOANH** (DVC trực tuyến một phần) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  07 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | | Công chức thụ lý hồ sơ | | 06 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (06 ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | | | Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | | Bản chính: 01 | |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất | | |  | | Bản chính: 01 | |
|  | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | \* Mức thu phí thẩm định: 1.100.000đồng/lần thẩm định/hồ sơ.  \* Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của cơ quan thụ lý hồ sơ của cá nhân, tổ chức.  *(Lưu ý: Ghi rõ Nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ TTHC”, Mã biên nhận).* | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*.*- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.​ - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | - Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.  - Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………….(1)……………..

Kính gửi: ………………..(2)………………………………………….

Tên thương nhân: ..............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ……………………....Điện thoại: ………………. Fax: ..................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………………………… Điện thoại:.........................

Fax: ...................................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ………. do…………..……… cấp ngày…….. tháng ……. năm …………

Đề nghị......(2)..... xem xét cấp Giấy phép……..(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

**Được phép sản xuất rượu như sau:**

Sản xuất các loại rượu: ………….(3).......................................................................................

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………….(4).......................................................................

…….(5) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thươngvà những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.001619.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẰM MỤC ĐÍCH KINH DOANH** (DVC trực tuyến toàn trình) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  05 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | | Công chức thụ lý hồ sơ | | 04 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (04ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | | | Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | | Bản chính: 01 | |
| Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đã được cấp | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung; | | |  | | Bản chính: 01 | |
|  | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | \* Mức thu phí thẩm định: 1.100.000đồng/lần thẩm định/hồ sơ.  \* Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của cơ quan thụ lý hồ sơ của cá nhân, tổ chức.  *(Lưu ý: Ghi rõ Nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ TTHC”, Mã biên nhận).* | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*.*- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.​ - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh có nhu cầu sửa đổi, bổ sung | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **TÊN THƯƠNG NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* | |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1).**..

Kính gửi: ............... (2) .................

Tên thương nhân: .........................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: .................................Điện thoại: ............ Fax:.............................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.............. ......................................................................

Điện thoại: ...................................................... Fax: ....................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ....... ..., do ................... cấp ngày ..... tháng......... năm ............;

Giấy phép.......... (1) ............ đã được cấp số... do ...... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép .............. (1) ............. đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số .... do ....... cấp ngày...... tháng ...... năm ............

................ (3) .......... đề nghị ............. (2) ...........xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép........... (1) .........., với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ: ................................................................................................................

Thông tin mới: ..................................................... (4) ..................................................

2. Bổ sung: ........................................................... (4) ...................................................

............ (3) ........ xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**Chú thích:**

(1) : Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2) : Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3) : Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4) : Nội dung sửa đổi, bổ sung.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 1.001279.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | **CẤP LẠI GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẰM MỤC ĐÍCH KINH DOANH** (DVC trực tuyến một phần) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Lưu thông hàng hóa trong nước | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  05 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Hồ sơ được nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đến Bộ phận một cửa.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp (nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến) và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn thẩm định, giải quyết theo quy định. | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, giải quyết hồ sơ và chuyển trả kết quả. | | Công chức thụ lý hồ sơ | | 04 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 3** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ cơ quan chuyên môn cấp huyện và trả kết quả cho người nộp hồ sơ (cá nhân hoặc nhân viên bưu điện theo yêu cầu) | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntrả kết quả (0,5 ngày)  Công chức thụ lý hồ sơ (04 ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| 1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: | | | | | | |
| Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | | | Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | | Bản chính: 01 | |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm | | |  | | Bản sao: 01 | |
| Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất | | |  | | Bản chính: 01 | |
| 2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: | | | | |  | |
| Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | | | Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | | Bản chính: 01 | |
| Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đã cấp (nếu có). | | |  | | Bản chính hoặc Bản sao: 01 | |
|  | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | 1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:  \* Mức thu phí thẩm định: 1.100.000đồng/lần thẩm định/hồ sơ.  \* Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của cơ quan thụ lý hồ sơ của cá nhân, tổ chức.  *(Lưu ý: Ghi rõ Nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ TTHC”, Mã biên nhận).*  2.Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: không thu phí. | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*.*- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.​ - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | 1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.  2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **TÊN THƯƠNG NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* | |  |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ   
Cấp lại giấy phép ……(1)…….  
*(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi:………….(2)……………………………………………..

Tên thương nhân: .........................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………… Điện thoại: ……………… Fax:...............

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………………..Điện thoại: …..………… Fax: .........

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số…………… do .............cấp ngày ………….. tháng………năm ……;

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm …..

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày……tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2).... xem xét cấp lại Giấy phép……...(1)……, với lý do cụ thể như sau:……..(4)

…….(3)….. xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.001283.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai  (DVC trực tuyến một phần) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Kinh doanh khí | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  10 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn cấp huyện **thẩm định, giải quyết.** | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, trình lãnh đạo UBND cập huyện phê duyệt kết quả xử lý hồ sơ. | | Công chức được phân công | | 07 ngày |
|  | **UBND cấp huyện/ thị xã, thành phố** | | | | |
| **Bước 3** | Lãnh đạo UBND cấp huyện có ý kiến, phê duyệt, chuyển trả phòng chuyên môn lưu hồ sơ và chuyển trả cho Bộ phận Một cửa. | | Lãnh đạo UBND cấp huyện | | 02 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 4** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả **kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính** công ích **cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.** | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Phòng chuyên môn cấp huyện thụ lý hồ sơ (07 ngày)  Lãnh đạo UBND cấp huyện duyệt hồ sơ (02 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyện trả kết quả (0,5 ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | | | Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP | | Bản chính: 01  Bản sao: 0 | |
| Hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực | | |  | | Bản chính: 0  Bản sao: 01 | |
| Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy | | |  | | Bản chính: 01  Bản sao: 0 | |
|  | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, cá nhân | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | UBND cấp huyện | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | \* Đối với tổ chức, doanh nghiệp:  - Mức thu phí thẩm định:  + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Tại huyện: 600.000đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Đối với cá nhân, hộ kinh doanh:  - Mức thu phí thẩm định:  + Tại thành phố, thị xã: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Tại huyện: 200.000đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tổ chức/ cá nhân có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại quầy thu phí của Bộ phận một cửa cấp huyện.  - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của cơ quan thụ lý hồ sơ của cá nhân, tổ chức.  *(Lưu ý: Ghi rõ Nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ TTHC”, Mã biên nhận)* | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.  - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chếkinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | - Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.  - Có hợp đồng tối thiểu 1 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân.  - Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

**Mẫu số 05**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN****CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân .................................................

Tên Hộ kinh doanh: .................................................

Địa chỉ: ................................................. ................................................. ..............................

Điện thoại: ................................................. Fax: .................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ……………..do ……………….............................................. cấp ngày.... tháng.... năm …..

Mã số thuế: ....................................................................................................................

Đề nghị ...............................................xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: ... | *Tây Ninh,ngày 12 tháng 10 năm 2020* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/ CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.001283.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai  (DVC trực tuyến toàn trình) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Kinh doanh khí | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  05 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn cấp huyện **thẩm định, giải quyết.** | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, trình lãnh đạo UBND cập huyện phê duyệt kết quả xử lý hồ sơ. | | Công chức được phân công | | 02 ngày |
|  | **UBND cấp huyện/ thị xã, thành phố** | | | | |
| **Bước 3** | Lãnh đạo UBND cấp huyện có ý kiến, phê duyệt, chuyển trả phòng chuyên môn lưu hồ sơ và chuyển trả cho Bộ phận Một cửa. | | Lãnh đạo UBND cấp huyện | | 02 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 4** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả **kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính** công ích **cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.** | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Phòng chuyên môn cấp huyện thụ lý hồ sơ (02 ngày)  Lãnh đạo UBND cấp huyện duyệt hồ sơ (02 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyện trả kết quả (0,5 ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | | | Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP | | Bản chính: 01  Bản sao: 0 | |
|  | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, cá nhân | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | UBND cấp huyện | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | Không có | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.  - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chếkinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

**Mẫu số 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------------------------------**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Ủy ban nhân dân huyện/thành phố …... |

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………………Fax: .

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ……………..do ………………......... ..................................... cấp ngày.... tháng.... năm …..

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện……………. theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:…. | *....,ngày....tháng...năm...* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/ CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** | 2.001261.000.00.00.H53 | | | | | |
| **Tên thủ tục hành chính:** | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai  (DVC trực tuyến toàn trình) | | | | | |
| **Cấp thực hiện:** | Cấp huyện | | | | | |
| **Lĩnh vực:** | Kinh doanh khí | | | | | |
| **Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận Một cửa cấp huyện).  - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.  Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định). | | | | | |
| **\*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:** | | | | | |
|  | **Nội dung công việc** | | **Trách nhiệm** | | **Thời gian**  05 ngày làm việc |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:  + Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.  + Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  - Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và **hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho** cơ quan chuyên môn cấp huyện **thẩm định, giải quyết.** | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện tỉnh | | 0,5 ngày |
|  | **Cơ quan chuyên môn cấp huyện**  **(Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố)** | | | | |
| **Bước 2** | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, vào sổ theo dõi.  - Thẩm định, trình lãnh đạo UBND cập huyện phê duyệt kết quả xử lý hồ sơ. | | Công chức được phân công | | 02 ngày |
|  | **UBND cấp huyện/ thị xã, thành phố** | | | | |
| **Bước 3** | Lãnh đạo UBND cấp huyện có ý kiến, phê duyệt, chuyển trả phòng chuyên môn lưu hồ sơ và chuyển trả cho Bộ phận Một cửa. | | Lãnh đạo UBND cấp huyện | | 02 ngày |
|  | **Bộ phận Một cửa cấp huyện** | | | | |
| **Bước 4** | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả **kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính** công ích **cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.** | | Công chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện | | 0,5 ngày |
| **\* Sơ đồ quy trình**  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyệntiếp nhận hồ sơ (0,5 ngày)  Phòng chuyên môn cấp huyện thụ lý hồ sơ (02 ngày)  Lãnh đạo UBND cấp huyện duyệt hồ sơ (02 ngày)  Công chức Bộ phận một cửa cấp huyện trả kết quả (0,5 ngày) | | | | | |
| **Thành phần hồ sơ** | | |  | |  | |
| Tên giấy tờ | | | Mẫu đơn, tờ khai | | Số lượng | |
| Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | | | Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP | | Bản chính: 01  Bản sao: 0 | |
|  | | | **Số lượng: 01 bộ** | |  | |
| **Đối tượng thực hiện:** | | | Tổ chức, cá nhân | | | |
| **Cơ quan thực hiện:** | | | Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/ Phòng Kinh tế thị xã, thành phố. | | | |
| **Cơ quan có thẩm quyền:** | | | UBND cấp huyện | | | |
| **Cơ quan phối hợp:** | | |  | | | |
| **Kết quả thực hiện** | | | Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | | | |
| **Phí/lệ phí** | | | Không có | | | |
| **Căn cứ pháp lý** | | | - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.  - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chếkinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. | | | |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** | | | Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký. | | | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | | | * Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan; * Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có); * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (nếu có). | | | |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | | | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | |

**Mẫu số 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------------------------------**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Ủy ban nhân dân huyện/thành phố …... |

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………………Fax: .

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ……………..do ……………….......... .................................... cấp ngày.... tháng.... năm …..

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện……………. theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:…. | *....,ngày....tháng...năm...* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/ CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |